NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XUẤT BẢN – THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ/ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP LỊCH SỬ 11

(BỘ SÁCH CÁNH DIỀU)

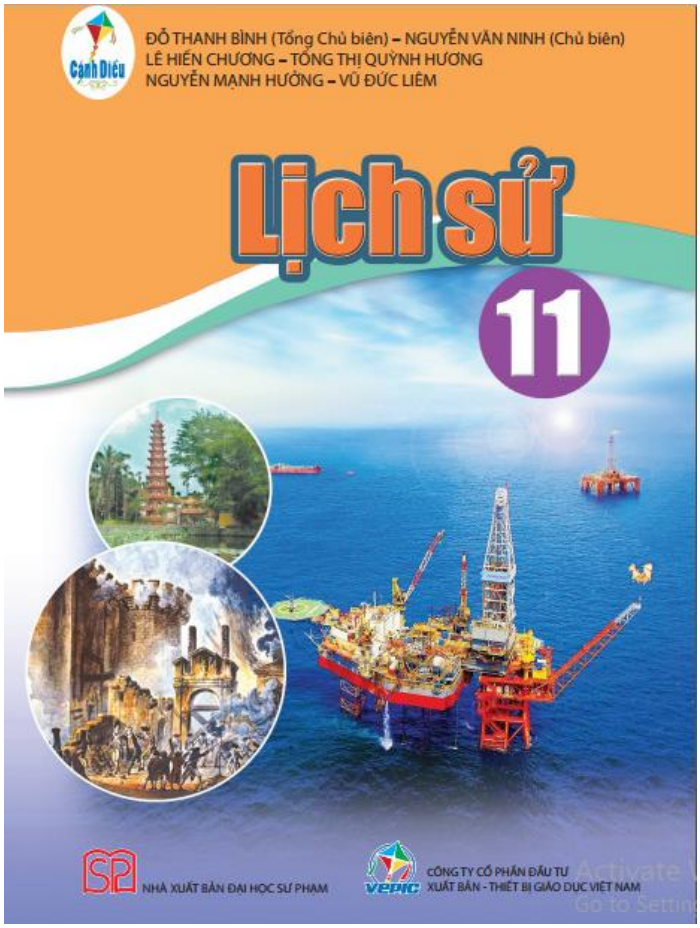

HÀ NỘI – 2023

Mục lục

PHẦN A. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	**3**
1. Đặc điểm của Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử năm 2018, sửa đổi, bổ sung năm 2022	3
2. Thời lượng, cấu trúc, nội dung chương trình Lịch sử 11	5
3. Những điểm mới của sách giáo khoa Lịch sử 11 và sách Chuyên đề học tập Lịch sử 11	11
4. Định hướng về phương pháp, cách sử dụng thiết bị dạy học, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	12
5. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ	22
PHẦN B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ BÀI SOẠN THAM KHẢO	**23**
PHẦN C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ	**30**

PHẦN A.
NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Đặc điểm của Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử năm 2018, sửa đổi, bổ sung năm 2022

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử cấp Trung học phổ thông

Môn Lịch sử là môn học thuộc nhóm Khoa học xã hội, gồm hai phần: phần bắt buộc với tất cả học sinh (HS) và phần lựa chọn cho HS chọn môn Lịch sử theo định hướng nghề nghiệp.

Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp HS hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học, đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, giúp HS nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử để giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại.

Môn Lịch sử hình thành, phát triển cho HS tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kĩ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, biết nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại. Môn Lịch sử giúp HS nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng cho HS lựa chọn những nghề nghiệp như: nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn; ngoại giao; quản lí; hoạt động du lịch; công nghiệp văn hoá; thông tin truyền thông,... Chương trình môn Lịch sử Trung học phổ thông hệ thống hoá, củng cố kiến thức thông sử ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp HS tìm hiểu sâu hơn các kiến thức lịch sử cốt lõi thông qua các chủ đề, chuyên đề học tập về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam. Phương pháp dạy học môn Lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của sử học và phương pháp giáo dục hiện đại.

1.2. Các phẩm chất và năng lực cần hình thành ở học sinh khi học Lịch sử

1.2.1. Các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể

Chương trình Lịch sử 11 góp phần hình thành và phát triển ở HS các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

– Các phẩm chất chủ yếu là: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Các năng lực chung là: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.2.2. Các năng lực đặc thù

Chương trình Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh.

Năng lực lịch sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Thành phần năng lực	**Biểu hiện**
TÌM HIỂU LỊCH SỬ	– Nhận diện được các loại hình tư liệu lịch sử; hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. – Tái hiện và trình bày được dưới hình thức nói hoặc viết diễn trình của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; xác định được các sự kiện lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể.
NHẬN THỨC VÀ TƯ DUY LỊCH SỬ	– Giải thích được nguồn gốc, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; chỉ ra được quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại; so sánh sự tương đồng và khác biệt

	giữa các sự kiện lịch sử, lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử. – Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử; hiểu được sự tiếp nối và thay đổi của lịch sử; biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
VẬN DỤNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG ĐÃ HỌC	Rút ra được bài học lịch sử và vận dụng được kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; trên nền tảng đó, có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

2. Thời lượng, cấu trúc, nội dung chương trình Lịch sử 11

2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa *Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 11* – Cánh Diều đã được đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định 4607/QĐ-BGDĐT, ngày 28 tháng 12 năm 2022.

– Mục đích biên soạn: cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho giáo viên (GV) khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển PC và NL của HS.

– Đối tượng sử dụng: HS lớp 11, GV dạy Lịch sử ở cấp THPT, cán bộ quản lí giáo dục, phụ huynh HS,...

– Phạm vi sử dụng: trong và ngoài lớp học, trong và ngoài nhà trường.

– Tổng số trang: SGK là 96 trang, sách Chuyên đề học tập Lịch sử 11 là 68 trang.

– Khổ sách: 19 x 26,5.

– Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2.2. Thời lượng

Chương trình học theo sách giáo khoa (SGK) *Lịch sử 11* có tổng số tiết là 52, trong đó có 10 tiết thực hành và 5 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá. Chương trình học theo sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 11* có tổng số tiết là 35, trong đó có 7 tiết thực hành và 3 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá.

2.3. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử 11

Sách có Hướng dẫn sử dụng sách, giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có Lời nói đầu, hướng tới bạn đọc là HS.

Sách được cấu trúc thành các chủ đề, bài, chuyên đề. Mỗi chủ đề có các bài cụ thể phù hợp với các nội dung đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018 sửa đổi, bổ sung năm 2022. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết và một số bài thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/ bài. Các chuyên đề được cấu tạo gồm các mục I, II, III, tuỳ theo từng địa phương, trường, lớp, GV phân chia số tiết sao cho hợp lí.

Phần Chủ đề có 6 chủ đề, 13 bài; phần Chuyên đề có 3 chuyên đề.

Ngoài các chương, bài, cuốn sách còn có Bảng giải thích thuật ngữ và Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài.

Bảng giải thích thuật ngữ giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.

Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử. Một vấn đề mà nội dung sách đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh và trang số địa danh xuất hiện.

Mỗi bài học đều có:

– Tên bài gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 1.* Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản*; Bài 2.* Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản,...

– Yêu cầu cần đạt (kí hiệu "Học xong bài này, em sẽ..." bám sát với yêu cầu cần đạt của chương trình, theo quan điểm phát triển phẩm chất (PC) và năng lực (NL) của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

– Mở đầu: (kí hiệu) phần này có ý nghĩa là để khởi động, gây hứng thú cho HS và giúp HS xác định nhiệm vụ học tập.

– Kiến thức mới: (kí hiệu), bao gồm phần chính văn, kênh hình, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nộidung bài học được kí hiệu bằng . Những nội dung mở rộng được đưa vào các ô, hộp, khung phù hợp, đó là:

+ Ô "Em có biết?" (kí hiệu), để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng lịch sử hoặc địa lí nào đó được đề cập trong bài hoặc liên hệ thực tế.

+ Ô "Góc khám phá" (kí hiệu), khám phá tri thức liên quan đến nội dung của bài học.

+ Ô "Góc mở rộng" (kí hiệu), mở rộng kiến thức của bài học.

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh hoạ. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 3 có các hình 1, 2, 3, 4,...

– Luyện tập và vận dụng: Luyện tập (kí hiệu) và Vận dụng (kí hiệu) được đặt ở cuối bài.

2.4. Cấu trúc nội dung chương trình Lịch sử 11 và các chủ đề/ bài trong SGK Lịch sử 11, chuyên đề trong sách Chuyên đề học tập Lịch sử 11 của bộ sách Cánh Diều.

PHẦN CHỦ ĐỀ

Nội dung chương trình	Chủ đề/ Bài trong SGK	Số tiết
CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	**Chủ đề 1: CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN**	**8**
– Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	Bài 1: Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản	3
– Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	Bài 2: Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 1	2
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	**Chủ đề 2: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY**	**7**
– Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết.	Bài 3: Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết	1
– Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	Bài 4: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay	5
– Chủ nghĩa xã hội từ năm 1991 đến nay – Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 2	1
QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á	**Chủ đề 3: QUÁ TRÌNH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC CỦA CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á**	**6**
– Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	Bài 5: Quá trình xâm lược và cai trị của chủ nghĩa thực dân ở Đông Nam Á	2

– Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á – Thực hành	Bài 6: Hành trình đi đến độc lập dân tộc ở Đông Nam Á Nội dung thực hành chủ đề 3	3 1
CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)	**Chủ đề 4: CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC VÀ CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945)**	**11**
– Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam – Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX) – Thực hành	Bài 7: Khái quát về chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trong lịch sử Việt Nam Bài 8: Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX) Nội dung thực hành chủ đề 4	4 5 2
MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	**Chủ đề 5: MỘT SỐ CUỘC CẢI CÁCH LỚN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)**	**8**
– Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (đầu thế kỉ XV) – Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông thế kỉ XV – Cuộc cải cách của Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX – Thực hành	Bài 9: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV) Bài 10: Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) Bài 11: Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) Nội dung thực hành chủ đề 5	2 2 2 2

LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG	**Chủ đề 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG**	**7**
– Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	Bài 12: Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông	3
– Việt Nam và Biển Đông	Bài 13: Việt Nam và Biển Đông	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 6	1
PHẦN CHUYÊN ĐỀ		
Chuyên đề 11.1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM	**Chuyên đề 1: LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM**	**14**
– Nghệ thuật thời Lý – Trần	I. Nghệ thuật thời Lý – Trần	4
– Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc	II. Nghệ thuật thời Lê sơ và thời Mạc	4
– Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn	III. Nghệ thuật thời Lê trung hưng và thời Nguyễn	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chuyên đề 1	3
Chuyên đề 11.2: CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX	**Chuyên đề 2: CHIẾN TRANH VÀ HOÀ BÌNH TRONG THẾ KỈ XX**	**9**
– Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX	I. Chiến tranh và hoà bình nửa đầu thế kỉ XX	3
– Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay	II. Chiến tranh và hoà bình từ sau năm 1945 đến nay	4
– Thực hành	Nội dung thực hành chuyên đề 2	2

Chuyên đề 11.3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	**Chuyên đề 3: DANH NHÂN TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM**	**9**
– Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc	I. Khái quát về danh nhân trong lịch sử dân tộc	1
– Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời cổ – trung đại	II. Một số nhà chính trị nổi tiếng của Việt Nam thời trung đại	2
– Một số danh nhân quân sự Việt Nam	III. Một số danh nhân quân sự Việt Nam	1
– Một số danh nhân văn hoá Việt Nam	IV. Một số danh nhân văn hoá Việt Nam	2
– Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực khoa học – công nghệ và giáo dục – đào tạo	V. Một số danh nhân Việt Nam trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo và khoa học – công nghệ	1
– Thực hành	Nội dung thực hành chuyên đề 3	2

Lưu ý: Phân phối số tiết như ở bảng trên chỉ là dự kiến, tuỳ đặc điểm từng trường, lớp từng địa phương, GV có thể phân phối lại sao cho hợp lí.

3. Những điểm mới của sách giáo khoa Lịch sử 11 và sách Chuyên đề học tập Lịch sử 11

Sách giáo khoa *Lịch sử 11* và sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 11* được biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018, sửa đổi, bổ sung năm 2022, có những điểm khác với chương trình giáo dục trước đây. Các nội dung và hoạt động học tập trong tất cả các chủ đề/ bài, chuyên đề học tập Lịch sử 11 theo Chương trình GDPT năm 2018 đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Đó là các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: tái hiện lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm. SGK *Lịch sử 11,* sách *Chuyên đề học tập Lịch*

sử 11 được lựa chọn và thể hiện những nội dung cơ bản, cốt lõi, bảo đảm tính hệ thống của kiến thức và kĩ năng theo đúng Chương trình GDPT năm 2018, sửa đổi, bổ sung năm 2022. Nội dung của bài học/ chuyên đề học tập vừa có độ mở vừa được tích hợp với nhau, tạo điều kiện cho giáo viên (GV) đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; tạo bối cảnh để HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Nội dung các bài học/ chuyên đề học tập được thể hiện qua các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng, đáp ứng quá trình nhận thức của HS, đồng thời tạo hứng thú và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Từng bài học có nhiều dạng câu hỏi: câu hỏi khai thác tranh ảnh, tư liệu; câu hỏi tổng hợp; câu hỏi, bài tập thực hành; câu hỏi liên hệ, vận dụng,... nhằm khơi gợi sự ham thích tìm hiểu, khám phá lịch sử của HS.

4. Định hướng về phương pháp, cách sử dụng thiết bị dạy học, cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

4.1. Phương pháp

Để hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho HS, phải thông qua việc tổ chức dạy học lấy HS làm trung tâm. Theo đó, GV đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn HS đọc, hiểu, giải mã các văn bản lịch sử (kênh hình, kênh chữ, hiện vật lịch sử,...), từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức sự thật lịch sử, đưa ra suy luận, phân tích, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử và quá trình phát triển của lịch sử. HS trở thành "người đóng vai nhân vật lịch sử" hoặc "người làm sử" để khám phá kiến thức lịch sử, vận dụng sáng tạo hiểu biết về lịch sử, văn hoá, xã hội của Việt Nam và thế giới vào các tình huống học tập cũng như thực tiễn cuộc sống. Điểm mới của SGK *Lịch sử 11* và sách *Chuyên đề học tập Lịch sử* là đưa ra các tư liệu, các kênh hình, từ đó GV tổ chức cho HS khai thác các tư liệu và kênh hình thông qua các câu hỏi trong SGK. Cuối mỗi bài đều có câu hỏi hoặc bài tập mang tính tiểu kết, khái quát hoá, vận dụng nội dung bài học vào thực tiễn.

4.1.1. Yêu cầu về phương pháp dạy học Lịch sử

a) Nội dung dạy học, giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại

Nội dung dạy học bao gồm các nội dung chính, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung dạy học, giáo dục bảo đảm tính thiết thực phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Ngoài ra, phải bảo đảm

tính hiện đại, nội dung phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kĩ thuật trong các lĩnh vực của đời sống.

Dạy học phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin,...) để từ đó HS có thể "làm" được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung dạy học cần được chắt lọc, lựa chọn sao cho thật gọn, đắt.

Nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kĩ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển,... Đây cũng chính là ý nghĩa quan trọng, bởi nội dung dạy học mà HS được học sẽ vận dụng thích ứng với bối cảnh hiện đại và không ngừng đổi mới.

b) Bảo đảm tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập

Tính tích cực của HS được biểu hiện thông qua sự hứng thú, tự giác học tập, niềm yêu thích tìm hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kĩ năng được chuyển hoá thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kĩ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS có NL khác nhau tuỳ vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

c) Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho học sinh

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên, đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành. Thực hành là hoạt động áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kĩ năng ở HS – thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho HS được quan sát, làm thử, giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của

thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát và kết quả của nó.

Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, hoạt động giáo dục phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

d) Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải tìm hiểu, tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, đặc biệt là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung.

Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề.

e) Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng HS, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng đó nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hoá đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của HS và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hoá là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi HS phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó HS được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân.

f) Kiểm tra, đánh giá theo năng lực, phẩm chất là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, năng lực

Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở

mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của Chương trình GDPT năm 2018, kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, NL. Bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần đánh giá thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định mức độ tiến bộ về NL của HS. Các thông tin về NL của HS được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập,...

Theo Thông tư 22/BGDDT và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đổi mới kiểm tra, đánh giá cần bảo đảm:

Thứ nhất: Đánh giá kết hợp cho điểm và nhận xét.

Thứ hai: Đa dạng hóa các hình thức đánh giá thường xuyên: hỏi đáp, thuyết trình, viết, thực hành, sản phẩm học tập, đánh thông qua hoạt động học của học fsinh.

Thứ ba: Đánh giá định kì: không chỉ ở bài viết trên giấy hoặc máy tính mà đa dạng: bài viết trên giấy máy tính, sản phẩm, dự án,..

Thứ tư: Tăng cường khai thác tư liệu trong kiểm tra đánh giá.

4.1.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập của HS

a) GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết

Trong dạy học và giáo dục phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kĩ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kĩ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển PC và NL đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà

HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá; Công văn số 5512/BGDDT-GDTrH về xây dựng kế hoạch dạy học tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Chuỗi hoạt động được thể hiện như sau:

Thứ nhất: GV phải xác định được rõ các mục tiêu bài học.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định *"đầu ra"* của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là *"kim chỉ nam"* định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những PC và NL nào.

Trong phần Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 11, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử, sửa đổi, bổ sung năm 2022. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở *Bài 1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản,* GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong bài 1

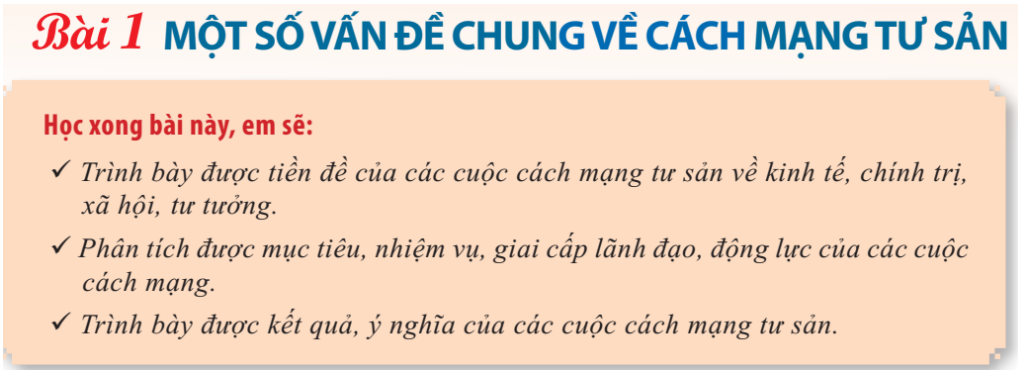

Bài 1 MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN

Học xong bài này, em sẽ:

- ✓ *Trình bày được tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản về kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng.*
- ✓ *Phân tích được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của các cuộc cách mạng.*
- ✓ *Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản.*

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Lịch sử/ Chuyên đề học tập 11 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử 11. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Thứ hai: Hoạt động mở bài

– *Mục đích*: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS xác định nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ "cái" HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này.

– *Phương thức thực hiện:* Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (băn khoăn, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...).

– *Sản phẩm:* Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà

HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung Bài 1 "*Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản"*, GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở bài trong SGK.

Phương án 2: chọn lọc một số hình ảnh/ đoạn phim, videovề các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại, yêu cầu HS phát biểu những hình ảnh đó liên quan đến nội dung nào? Em biết gì về những nội dung đó và kết nối vào bài học mới.

Thứ ba: Hoạt động hình thành kiến thức mới

– *Mục đích:* Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kĩ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Trong dạy học Lịch sử/ Chuyên đề học tập 11 ở nhà trường THPT hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS chủ yếu là các hoạt động tìm hiểu về Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay; Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á; Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945); Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858); Lịch sử chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.

– *Phương thức thực hiện*: GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện luyện kĩ năng trong học tập lịch sử.

– *Sản phẩm học tập*: Kiến thức cơ bản, cốt lõi theo đúng yêu cầu cần đạt về Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản; Chủ nghĩa xã hội từ 1917 đến nay; Quá trình giành độc lập dân tộc của các quốc gia Đông Nam Á; Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước Cách mạng tháng Tám năm 1945); Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858); Lịch sử chủ quyền của Việt Nam ở Biển Đông.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ Kiến thức, kĩ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kĩ năng đó bằng cách nào?

Thứ tư: Hoạt động luyện tập, vận dụng

– *Mục đích*: Hoạt động này nhằm giúp HS hệ thống kiến thức, vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– *Phương thức thực hiện:* GV tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– *Sản phẩm:* Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Lưu ý: trong hoạt động và vận dụng, GV tập trung giải quyết các câu hỏi, bài tập trong SGK. Tuy nhiên, GV cúng có thể mở rộng những câu hỏi, bài tập ngoài SGK cho phù hợp với đối tượng HS.

b) GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kiến thức dạy học và giáo dục phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp, khiến thức dạy học (KTDH), đặc biệt là các phương pháp, KTDH có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn PPDH phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp.

c) GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, hoạt động giáo dục, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, NL và để cống hiến.

d) GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác

Đó là việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV – HS và HS – HS nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

4.2. Cách sử dụng thiết bị dạy học

Sử dụng thiết bị dạy học là một yêu cầu bắt buộc của việc đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực HS. Thiết bị dạy học tối thiểu của chương trình Lịch sử nói chung, chương trình Lịch sử 11 nói riêng bao gồm:

– Các bản đồ giáo khoa treo tường (thế giới, khu vực, Việt Nam) phù hợp với nội dung từng bài học và lứa tuổi HS lớp 11.

– Mô hình, hiện vật, tranh – ảnh lịch sử in trên giấy, hình kĩ thuật số tĩnh và động,...

– Các bản đồ, lược đồ, sơ đồ, đoạn phim, video được biên tập cho mục đích giáo dục, phù hợp với nội dung của từng bài học Lịch sử 11.

– Các phiếu học tập có các nguồn sử liệu, các tờ bài tập (bản đồ, lược đồ, sơ đồ).

Ở những trường có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn, có thể xây dựng phòng bộ môn hoặc phòng học chuyên dụng phục vụ việc dạy học lịch sử. Những yêu cầu về thiết bị nêu trên còn tuỳ thuộc vào khả năng, điều kiện môi trường. Nhưng trong quá trình dạy học, GV phải có những thiết bị tối thiểu như bản đồ, lược đồ lịch sử, sơ đồ, biểu đồ liên quan mà nội dung lịch sử đặt ra cần phải có. Khi sử dụng thiết bị, kênh hình trong SGK *Lịch sử 11* và sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 11*, GV cần lưu ý: kênh hình không chỉ minh hoạ cho nội dung kênh chữ, mà chính là phương tiện để HS khai thác tri thức và có tác dụng kích thích HS học tập tích cực và sáng tạo.

4.3. Cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

Khi đánh giá kết quả học tập của HS, GV cần căn cứ vào yêu cầu cần đạt về năng lực chung, năng lực lịch sử, phẩm chất chủ yếu, vận dụng vào từng bài học cụ thể để có hình thức đánh giá phù hợp.

– Đánh giá nội dung lí thuyết: hiểu biết các sự kiện lịch sử (đúng hay sai, đủ hay thiếu, cơ bản hay không cơ bản,...); khả năng tư duy, suy luận, nhận định, đánh giá sự kiện, hiện tượng lịch sử,... thông qua các hình thức: trắc nghiệm và tự luận.

– Cần tăng cường đánh giá các kĩ năng của HS như: làm việc với bản đồ, lược đồ lịch sử, biểu đồ, sơ đồ, bảng số liệu, tranh ảnh; quan sát, thu thập, xử lí và hệ thống hoá thông tin; sử dụng công nghệ và thông tin truyền thông trong học tập,... Không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử của HS làm trung tâm của việc đánh giá, thay vào đó cần chú trọng khả năng vận dụng tri thức lịch sử vào tình huống cụ thể.

– Đa dạng hoá các hình thức đánh giá, tăng cường đánh giá thường xuyên đối với HS bằng các hình thức khác nhau: đánh giá qua quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, sản phẩm học tập; đánh giá qua báo cáo kết quả thực hiện các dự án học tập, báo cáo kết quả thực hành, bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập. Tạo điều kiện để HS tham gia vào quá trình đánh giá kết quả giáo dục.

– Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì, trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về năng lực, phẩm chất và sự tiến bộ

5. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ

– Sách giáo viên.

– Sách bài tập.

– Sách tham khảo thiết yếu của môn học.

– Thiết bị dạy học bộ môn: Bộ thiết bị Cánh Diều và hướng dẫn cách khai thác trong dạy học.

– Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh hoạ tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).

PHẦN B

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ BÀI SOẠN THAM KHẢO

BÀI 13. VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (TIẾT 2)

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được những yêu cầu sau:

1. Kiến thức

– Nêu được Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí tiên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử.

– Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

2. Năng lực:

– Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc nhận diện, khai thác và sử dụng tư liệu, tranh ảnh, bản đồ,... để tìm hiểu nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong lịch sử.

– Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, chỉ ra được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam.

– Năng lực tự chủ và tự học thông qua sưu tầm tư liệu, hình ảnh, nghiên cứu tư liệu để nêu được quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

– Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua trao đổi, thảo luận nhóm để trình bày được những nét chính về các cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

– Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc nêu được quá trình xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam để giới thiệu việc làm của bản thân trong quá trình đấu tranh, bảo vệ chủ quyền và các quyền, lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

3. Phẩm chất

– Yêu nước: Sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

– Trách nhiệm: Có trách nhiệm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam và Biển Đông.

– Chăm chỉ: Chăm chỉ tìm hiểu, tiếp thu kiến thức mới và hoàn thành các yêu cầu, nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Tư liệu, tranh ảnh, đoạn phim, video,... liên quan đến bài học.

– Máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Căn cứ vào mục tiêu, nội dung bài học, điều kiện vùng miền và trình độ của HS,... GV có thể lựa chọn, sử dụng phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp (dạy học dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tương tác, kĩ thuật KWLH, kĩ thuật khăn trải bàn,...) và sử dụng hệ thống câu hỏi vấn đáp, đồ dùng trực quan,... để hướng dẫn HS tìm hiểu những nội dung cốt lõi về Việt Nam và Biển Đông.

– Bài học cần tổ chức theo chuỗi các hoạt động, tăng cường phối hợp các hoạt động học tập cá nhân/ nhóm/ toàn lớp trong quá trình dạy học.

– Bài học dự kiến được thực hiện trong 3 tiết, tuỳ theo điều kiện địa phương, theo trường, theo lớp, GV tổ chức và phân bổ thời gian sao cho hợp lí.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

1.1. Khởi động

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Nhanh tai, nhanh mắt".

c) Sản phẩm dự kiến: Các từ khóa "Tây Nam", "an ninh hàng hải", "giao lưu hội nhập văn hóa", "tài nguyên phong phú", "ngành kinh tế trọng điểm".

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: GV giới thiệu trò chơi "Nhanh tai nhanh mắt", yêu cầu HS lắng nghe, tìm và sửa lỗi sai trong một đoạn video dưới dạng vlog khái quát lại nội dung kiến thức tiết 1 - Bài 13.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS tham gia trò chơi và tìm ra 5 lỗi sai và sửa thành 5 từ khoá đúng.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

– Sau khi hết thời gian, GV gọi một số HS lên trả lời. HS nêu lên 5 đáp án đã sửa lỗi của video là: Tây Nam, an ninh hàng hải, giao lưu hội nhập văn hoá, tài nguyên phong phú, ngành kinh tế trọng điểm.

– Các HS khác lắng nghe, thảo luận, bổ sung ý kiến.

Bước 4: Nhận xét, tổng kết, đánh giá: GV nhận xét tinh thần tham gia phần khởi động của HS, sau đó GV dẫn dắt vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức

2.2. Tìm hiểu về lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

2.2.1 Tìm hiểu về quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

a) Mục tiêu: Nêu được Việt Nam là nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS thực hiện buổi triển lãm và hoàn thành phiếu bài tập thông qua quan sát buổi triển lãm.

c) Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS.

Phiếu học tập (*tham khảo*)

Thời gian	**Quá trình xác lập chủ quyền và quản lí đối với hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa**
Thời chúa Nguyễn thế kỉ XVII – XVIII	– Lập đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

	– Lập đội Bắc Hải để khai thác sản vật, kiểm tra, kiểm soát, thực thi chủ quyền ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên.
Thời nhà Nguyễn (1802 – 1945)	– Tái lập đội Hoàng Sa và Bắc Hải. – Dưới thời Minh Mạng: Kiểm tra, kiểm soát, khai thác sản vật hiếm, tổ chức thu thuế và cứu hộ tàu bị nạn. – Khảo sát, đo vẽ bản đồ, dựng miếu thờ, bia chủ quyền…
Từ 1945 – 1975	– Pháp tiến hành xây dựng bia chủ quyền, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện, thực hiện một số khảo sát khoa học. – Pháp rút khỏi Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp quản và khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. – Tranh chấp giữa Việt Nam Cộng hoà và Trung Quốc ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
Từ 1975 đến nay	– Thực hiện quyền quản lí hành chính và đấu tranh pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS thực hiện một buổi triển lãm tranh mang tên "*Tổ quốc nhìn từ biển*" và yêu cầu HS quan sát, lắng nghe thuyết minh đồng thời hoàn thành phiếu học tập theo mẫu sau:

Phiếu học tập (*tham khảo*)

Thời gian	**Quá trình xác lập chủ quyền và quản lí đối với hai quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa**
Thời chúa Nguyễn thế kỉ (XVII – XVIII)	.....
Thời nhà Nguyễn (1802 – 1945)	.....
Từ 1945 – 1975	.....
Từ 1975 đến nay	.....

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

– GV điều phối, hướng dẫn HS thuyết minh cho triển lãm tranh với các bức tranh: Mẫu tem thư in hình "Đội Hoàng Sa thế kỉ XVII – XVIII"; hình ảnh tượng đài "Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải"; hình ảnh các hiện vật của Đội Hoàng Sa được lưu giữ tại bảo tàng ở huyện đảo Lý Sơn (Quảng Ngãi),...

– Các HS khác lắng nghe, quan sát, hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận.

– GV gọi một HS bất kì trình bày kết quả thu hoạch được sau buổi triển lãm (trình bày Phiếu học tập).

– HS khác lắng nghe, nhận xét, trao đổi, bổ sung.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, tổng kết

– GV nhận xét, gợi ý cho HS chỉnh sửa, hoàn thiện phiếu học tập và chốt ý: *Việt Nam là quốc gia xác lập chủ quyền đầu tiên và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa; quá trình xác lập diễn ra hoà bình và hợp pháp. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một phần lãnh thổ Việt Nam*

– GV mở rộng, khai thác nội dung 2 đoạn tư liệu gốc trong *Phủ biên tạp lục* và *Đại Nam thực lục* để giúp HS hiểu được quá trình xác lập chủ quyền biển đảo đầu tiên của Việt Nam thông qua những tư liệu minh chứng.

2.2.2. Tìm hiểu về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

a) Mục tiêu: Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

b) Nội dung: HS làm việc nhóm và thực hiện báo cáo sản phẩm tại lớp.

c) Sản phẩm dự kiến: Phần trình bày trên lớp của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm và thảo luận câu hỏi: *Hiện nay, Việt Nam đang thực hiện những biện pháp và hình thức nào để bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa?*

– GV chia lớp thành 4 nhóm dựa trên năng lực HS và áp dụng phương pháp đóng vai: nhóm Ngoại giao; nhóm Kinh tế; nhóm Quân sự; nhóm Giáo dục. Các nhóm sẽ đóng vai là nhà ngoại giao, nhà kinh tế, nhà giáo dục, nhà quân sự để đưa ra phương án của mình trong việc bảo vệ chủ quyền, biển đảo Tổ quốc.

– GV hướng dẫn HS khai thác thông tin, tư liệu SGK và hình 5, 6 để thực hiện nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe yêu cầu của GV và thực hiện hoạt động nhóm.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

– Sau khi hết thời gian hoạt động nhóm, GV tổ chức tọa đàm "Vươn khơi bám biển" và mời đại diện mỗi nhóm lên trình bày kết quả làm việc của mình.

– GV sử dụng kĩ thuật khăn trải bàn để các nhóm hoạt động. Các nhóm lên báo cáo.

– Đại diện các nhóm lần lượt báo cáo, nhóm khác lắng nghe, thảo luận, góp ý và bổ sung theo kĩ thuật 3-2-1.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá kết quả, tổng kết

– GV nhận xét tinh thần làm việc và đánh giá kết quả làm việc của các nhóm.

– GV củng cố nội dung: *Việt Nam luôn nỗ lực đấu tranh, bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.* GV mở rộng, chốt lại nội dung kiến thức.

3. Luyện tập và vận dụng

a) Mục tiêu: Thông qua hoạt động luyện tập, GV củng cố kiến thức đã học.

b) Nội dung: HS tham gia trò chơi "Bắt bóng trả từ khóa" và thực hiện nhiệm vụ, yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm dự kiến: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giới thiệu luật chơi và yêu cầu HS tham gia Trò chơi: *Bắt bóng trả từ khoá*. HS sẽ được nghe một tổ khúc về biển, trong quá trình nghe, HS sẽ lần lượt truyền tay nhau quả bóng. Khi nhạc dừng, người cầm bóng sẽ nói ra một cụm từ hoặc từ khoá liên quan đến các nội dung đã học.

Bước 2,3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo: HS tham gia trò chơi và trả lời từ khóa. GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi trong thời gian 3 phút.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá, tổng kết: GV nhận xét và đánh giá hoạt động của học sinh, giao bài tập vận dụng.

4. Vận dụng

a) Mục tiêu: Nâng cao, làm sâu sắc kiến thức đã học và liên hệ kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tiễn.

b) Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà và báo cáo sản phẩm lên phòng học trực tuyến của lớp.

c) Sản phẩm dự kiến: Bài làm của HS

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Có thể tham khảo một trong 2 yêu cầu sau:

– GV yêu cầu và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà: *Em hãy viết một bức thư dưới nhiều hình thức gửi lời chúc đến các chiến sĩ làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo và kể về những việc đã làm để đóng góp cho công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

– GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ: *Lấy một số ví dụ về những việc đã làm để đóng góp cho công cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà, GV định hướng, giải đáp thắc mắc và hướng dẫn thực hiện.

Bước 3, 4: Báo cáo, tổng kết và đánh giá: HS báo cáo sản phẩm lên phòng học trực tuyến của lớp trước khi bắt đầu tiết học sau để GV thực hiện nhận xét, tổng kết và đánh giá.

PHẦN C

GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Thời gian: 45 PHÚT

I. MỤC TIÊU

– Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS sau một giai đoạn học tập (giữa kì I), xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch Sử, lớp 11.

– Kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

II. ĐẶC TẢ MA TRẬN

Đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa kì I – Lịch sử 11

1. Ma trận

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Chủ đề 1: Cách mạng tư	Nội dung 1: Một số	7							1	6,5 điểm

	sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. (65%)	vấn đề chung về cách mạng tư sản									
		Nội dung 2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản				1					
2	Chủ đề 2: Chủ nghĩa xã hội từ năm 1917 đến nay (35%)	Nội dung 1: Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.						1			3,5 điểm
		Nội dung 2: Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh	2								

		thế giới thứ hai đến nay.									
Tổng (câu)			**9**			**1**		**1**		**1**	
Tỉ lệ %			**40%**		**30%**		**20%**		**10%**		**100**
Tỉ lệ chung			**70%**				**30%**				**100**

2. Đặc tả ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ của yêu cầu cần đạt
1	CÁCH MẠNG TƯ SẢN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA TƯ BẢN	*1. Một số vấn đề chung về cách mạng tư sản*	**Nhận biết** – Trình bày được tiền đề của cách mạng tư sản: kinh tế, chính trị, xã hội, tư tưởng thông qua ví dụ cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. – Trình bày được mục tiêu, nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực của cách mạng tư sản thông qua dẫn chứng cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. – - - Nêu được các loại hình cách mạng tư sản thông qua ví dụ cụ thể. – Trình bày được kết quả, ý nghĩa của các cuộc cách mạng tư sản thông qua ví dụ cụ thể của các cuộc cách mạng tư sản tiêu biểu như: Cách mạng tư sản Anh, Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ, Cách mạng tư sản Pháp. **Vận dụng cao** – Đánh giá được tác động của Tuyên ngôn độc lập

			của Mỹ đối với Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam.
		2. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.	**Thông hiểu** Phân tích được sự phát triển của chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh sang độc quyền.
2	CHỦ NGHĨA XÃ HỘI TỪ NĂM 1917 ĐẾN NAY	*1. Sự hình thành Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết.*	**Vận dụng** Phân tích được ý nghĩa của việc xuất hiện Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới.
		2. Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay.	**Nhận biết** – Trình bày được sự phát triển của chủ nghĩa xã hội ở các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. – Trình bày được sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội ở khu vực châu Á (Trung Quốc, Việt Nam, Lào), ở khu vực Mỹ Latinh (Cuba).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO…... **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

Trường: ..... **MÔN: LỊCH SỬ 11**

(Thời gian: 45 phút)

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (6.0 điểm)

Khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Một trong những nhiệm vụ dân tộc của các cuộc cách mạng tư sản là

A. xoá bỏ chế độ phong kiến chuyên chế.

B. xác lập nền dân chủ tư sản.

C. đòi quyền tự do chính trị cho mỗi người dân.

D. thống nhất thị trường, thành lập quốc gia dân tộc.

Câu 2. Một trong những nhiệm vụ dân chủ của các cuộc cách mạng tư sản là

A. đòi quyền tự do, bình đẳng chính trị cho các tầng lớp nhân dân.

B. đánh đuổi thực dân, giành độc lập dân tộc.

C. xoá bỏ tình trạng cát cứ, phân quyền .

D. thống nhất lãnh thổ và ngôn ngữ, thành lập quốc gia dân tộc.

Câu 3. Giai cấp lãnh đạo của cuộc các cuộc cách mạng tư sản có đặc điểm chung là gì?

A. Đại diện cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

B. Đều chịu ảnh hưởng của Trào lưu Triết học Ánh sáng.

C. Đều có nguồn gốc là giai cấp phong kiến.

D. Đều mong muốn thiết lập chế độ cộng hoà.

Câu 4. Động lực cách mạng của các cuộc các cuộc cách mạng tư sản là

A. giai cấp lãnh đạo và nông dân.

B. giai cấp lãnh đạo và nô lệ.

C. giai cấp lãnh đạo và quần chúng nhân dân.

D. giai cấp tư sản và chủ nô.

Câu 5. Kết quả chung của các cuộc cuộc cách mạng tư sản là thiết lập chế độ

A. tư bản chủ nghĩa. B. quân chủ lập hiến.

C. cộng hoà. D. dân chủ đại nghị.

Câu 6. Ý nghĩa chung của các cuộc cuộc cách mạng tư sản là

A. xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển.

B. lật đổ nền quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ cộng hoà, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

C. giải phóng nhân dân thoát khỏi chế độ thực dân, mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

D. giải phóng nhân dân thoát khỏi chế độ thực dân, thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc.

Câu 7. Hệ thống chủ nghĩa xã hội trên thế giới hình thành gắn liền với sự kiện nào?

A. Các nước Đông Âu lật đổ sự thống trị của phát xít, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân.

B. Các nước Đông Âu hoàn thành cơ bản cuộc cách mạng dân chủ nhân dân.

C. Nước Cộng hoà Dân chủ Đức ra đời.

D. Bun-ga-ri xoá bỏ chế độ quân chủ chuyên chế.

Câu 8. Sự mở rộng của chủ nghĩa xã hội sau Chiến tranh thế giới thứ hai gắn liền với những quốc gia nào dưới đây?

A. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cu-ba.

B. Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào.

C. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Cộng hoà Dân chủ Đức.

D. Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam, Lào, Căm-pu-chia.

Câu 9. Ghép các thông tin ở cột A với cột B sao cho phù hợp với tiền đề của các cuộc cách mạng tư sản:

A	B
1. Cách mạng tư sản Anh	A. Công nghiệp len dạ bùng nổ, làm cho nghề nuôi cừu phát triển.
	B. Kinh tế đồn điền, trang trại phát triển.
	C. Nông nghiệp lạc hậu.
2. Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	D. Xuất hiện tình trạng "rào đất cướp ruộng".
	E. Ở miền Bắc kinh tế công thương nghiệp phát triển, ở miền Nam kinh tế đồn điền trang trại phát triển.
3. Cách mạng tư sản Pháp	G. Xuất hiện tầng lớp Quý tộc mới.
	H. Tồn tại chế độ thực dân.
	I. Trào lưu Triết học Ánh sáng.

Câu 10 (2.0 điểm). Hãy điền các cụm từ sau vào chỗ trống sao cho phù hợp với năm đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền: "*tổ chức độc quyền"; "chia xong đất đai"; "tư bản ngân hàng"; "xuất khẩu tư bản"; "liên minh độc quyền", "tập trung tư bản"*.

"*1. Sự…(1) đạt tới mức độ phát triển rất cao khiến nó tạo ra những …(2) có một vai trò quyết định trong sinh hoạt kinh tế;*

2. Sự hợp nhất …(3) với tư bản công nghiệp và trên cơ sở "tư bản tài chính" đó xuất hiện một bọn đầu sỏ tài chính;

3. Việc …(4), khác hẳn xuất khẩu hàng hóa, đã có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt;

4. Sự hình thành những ….(5) quốc tế của bọn tư bản chia nhau thế giới.

5. Việc các cường quốc tư bản chủ nghĩa lớn nhất đã …(6) trên thế giới."

(Lê-nin, *Toàn tập*, Tập 27, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.402)

PHẦN 2. TỰ LUẬN (4.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm): Đọc đoạn tư liệu dưới đây, kết hợp kiến thức đã học, hãy phân tích ý nghĩa lịch sử của sự kiện nhắc đến trong đoạn tư liệu.

"*Sự ra đời của Liên bang Xô viết là một sự kiện quan trọng. Sức mạnh của Nhà nước Xô viết được củng cố và tăng cường. Đồng thời, đó là thắng lợi của chính sách dân tộc theo chủ nghĩa Lê-nin, của tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc trong quốc gia công nông đầu tiên trên thế giới. Lần đầu tiên trong lịch sử, loài người tiến bộ đã được thấy một con đường giải phóng đúng đắn vấn đề dân tộc, đó là thủ tiêu mọi bất bình đẳng dân tộc và xây dựng một cộng đồng anh em giữa các dân tộc*".

(Nguyễn Anh Thái (Chủ biên), *Lịch sử thế giới hiện đại*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2006, tr.46 – 47)

Câu 2 (1.0 điểm): Quan sát các hình 1, 2, hãy cho biết *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ có ảnh hưởng như thế nào đến *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam.

Hình 1. Lễ tuyên bố *Tuyên ngôn Độc lập* (Mỹ)

Hình 2. Lễ tuyên bố *Tuyên ngôn Độc lập* (Việt Nam)

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

I. Trắc nghiệm (4,0 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	A	C	A	A	B	A

Câu 9. 1– A, D, G; 2 – B, E, H; 3 – C, I.

Câu 10 (3.0 điểm). 1) tập trung tư bản; 2) tổ chức độc quyền; 3) tư bản ngân hàng; 4) xuất khẩu tư bản; 5) liên minh độc quyền; 6) chia xong đất đai.

II. Tự luận (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm).

Lĩnh vực	Biểu hiện	Điểm
Đối với Liên Xô	– Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của đế quốc Nga và chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản; xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa trên toàn lãnh thổ Liên Xô rộng lớn (có diện tích gần 22,4 triệu km2, chiếm 1/6 diện tích Trái Đất). – Thể hiện quyền dân tộc tự quyết, sự liên minh đoàn kết của các nước cộng hoà Xô viết đồng minh; làm thất bại ý đồ và hành động chia rẽ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước. – Tạo nên sức mạnh tổng hợp để nhân dân Liên Xô tập trung vào xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, chiến thắng ngoại xâm.	0,50 0,25 0,25
Đối với thế giới	– Chứng minh học thuyết Mác – Lê-nin là đúng đắn, khoa học: giai cấp công nhân đã thực hiện sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lật đổ ách thống trị của chủ nghĩa tư bản, đế quốc, thiết lập nền chuyên chính vô sản. – Xác lập và xây dựng mô hình nhà nước kiểu mới đối lập với mô hình nhà nước tư bản chủ nghĩa, tác động lớn đến chính trị và quan hệ quốc tế. – Cổ vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên đấu tranh; để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các nước về sự lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc, về mô hình nhà nước sau khi giành được chính quyền.	0,25 0,25 0,50

Câu 2 (1.0 điểm)

	Nội dung	Điểm
Cho biết Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ có ảnh hưởng như thế nào đến Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam. Đây là câu hỏi mở, học sinh có thể trình bày theo những cách khác nhau, nhưng cần có nội dung phù hợp như:		1,0
	– *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ thể hiện tư tưởng tiến bộ và có ảnh hưởng lớn đối với các nước, trong đó có Việt Nam.	0,25
	– Trong bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh soạn thảo có kế thừa, tiếp thu tư tưởng tiến bộ từ *Tuyên ngôn Độc lập* của Mỹ.	0,25
	– Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi của hai bản *Tuyên ngôn Độc lập* này,…	0,50

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2023

THAY MẶT TẬP THỂ TÁC GIẢ

CHỦ BIÊN

TS. NGUYỄN VĂN NINH